**Tiết 41**

**Bài 41. CHIM BỒ CÂU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.

- Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.

- Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn

***2. Năng lực***

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

|  |  |
| --- | --- |
| N¨ng lùc chung | N¨ng lùc chuyªn biÖt |
| - Năng lực phát hiện vấn đề  - Năng lực giao tiếp  - Năng lực hợp tác  - Năng lực tự học  - N¨ng lùc sö dông CNTT vµ TT | - Năng lực kiến thức sinh học  - Năng lực thực nghiệm  - Năng lực nghiên cứu khoa học |

**3. Về phẩm chất**

**G**iúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Tranh cấu tạo ngoài của chim bồ câu

- Bảng phụ ghi nội dung bảng 1,2 tr135-136 SGK

**2. Học sinh**

- Kẻ bảng 1,2 vào vở bài tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ.(4’)**

- Nêu đặc điểm chung và vai trò của lớp Bò sát?

**2. Bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | | | **HOẠT ĐỘNG HS** | | | | | **NỘI DUNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**  **a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  **b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.  **c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp. | | | | | | | | |
| Tiết trước chúng ta đã nghiên cứu về lớp Bò Sát- Động vật thích nghi hoàn toàn với đời sống trên cạn. Tiết này chúng ta chuyển sang nghiên cứu một lớp động vật thích nghi với đời sống bay lượn dạy lớpChim. Vậy lớp chim có đặc điểm cấu tạo như thế nào giúp chúng thích nghi được. Nghiên cứu một đại diện- Chim bồ câu. | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu kiến thức mới**  **a. Mục tiêu:**  - HS trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.  - Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.  - Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn  **b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.  **c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.  **d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. | | | | | | | | |
| **1: Đời sống của chim bồ câu. (15’)** | | | | | | | | |
| - GV cho HS thảo luận :  + Cho biết tổ tiên của chim bồ câu nhà?  + Đặc điểm đời sống của chim bồ câu?  - GV cho HS tiếp tục thảo luận  + Đặc điểm sinh sản của chim bồ câu  + So sánh sự sinh sản của thằn lằn và chim?  - GV chốt lại kiến thức  + Hiện tượng ấp trứng và nuôi con có ý nghĩa gì ? | | | - HS đọc thông tin SGK tr.135 thảo luận tìm đáp án  - HS trả lời câu hỏi HS khác nhận xét bổ sung | | **I. Đời sống của chim bồ câu**  - Đời sống:  + Sống trên cây bay giỏi  + Tập tính làm tổ  + Là động vật hằng nhiệt  - Sinh sản:  + thụ tinh trong  + Trứng có nhiều noãn hoàng, có vỏ đá vôi  + Có hiện tượng ấp trứng nuôi con bằng sữa diều | | | |
| **2: Cấu tạo ngoài và di chuyển. (20’)** | | | | | | | | |
| a) Cấu tạo ngoài  - GV yêu cầu HS quan sát H41.1 đọc thông tin SGK tr.136 →nêu đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu  - GV gọi HS trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài tren tranh  - GV yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng 1tr.135 SGK  - GV cho HS điền trên bảng phụ  - GV sửa chữa chốt lại theo bảng mẫu.  b) Di chuyển  - GV yêu cầu HS quan sát kĩ H41.3-4 SGK  + Nhận biết kiểu bay lượn và bay vỗ cánh  - GV yêu cầu HS hoàn thành bảng 2  - GV chốt lại kiến thức | | | - HS quan sát kĩ hình kết hợp thông tin SGK nêu được các đặc điểm …  - 1-2 HS phát biểu, lớp bổ sung  - Các nhóm thảo luận tìm các đặc điểm cấu tạo thích nghi với sự bay điền vào bảng 1  - HS thảo luận nhóm đánh dấu vào bảng 2 | **II. Cấu tạo ngoài và di chuyển**  a) Cấu tạo ngoài  - Kết luận như bảng chữa  b) Di chuyển  - Chim có 2 kiểu bay  + Bay lượn và bay vỗ cánh | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**  **Mục tiêu:** Luyện tập củng cố nội dung bài học  **Phương pháp dạy học:** Dạy học nhóm; dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan  **Định hướng phát triển năng lực:**   Năng lực thực nghiệm, năng lực quan sát, năng lực sáng tạo, năng lực trao đổi. Phẩm chất tự tin, tự lập, giao tiếp. | | | | | | | |
| **Câu 1.** Hình dạng thân của chim bồ câu hình thoi có ý nghĩa như thế nào?  A. Giúp giảm trọng lượng khi bay.  B. Giúp tạo sự cân bằng khi bay.  C. Giúp giảm sức cản của không khí khi bay.  D. Giúp tăng khả năng trao đổi khí của cơ thể khi bay.  **Câu 2.**Ở chim bồ câu, tuyến ngoại tiết nào có vai trò giúp chim có bộ lông mượt và không thấm nước?  A. Tuyến phao câu.  B. Tuyến mồ hôi dưới da.  C. Tuyến sữa.  D. Tuyến nước bọt.  **Câu 3.**Phát biểu nào sau đây về chim bồ câu là sai?  A. Là động vật hằng nhiệt.  B. Bay kiểu vỗ cánh.  C. Không có mi mắt.  D. Nuôi con bằng sữa diều.  **Câu 4.** Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về sự sinh sản ở chim bồ câu?  A. Chim mái nuôi con bằng sữa tiết ra từ tuyến sữa.  B. Chim trống và chim mái thay nhau ấp trứng.  C. Khi đạp mái, manh tràng của chim trống lộn ra ngoài tạo thành cơ quan sinh dục tạm thời.  D. Quá trình thụ tinh diễn ra ngoài cơ thể.  **Câu 5.** Đặc điểm nào dưới đây có ở các loại chim bay theo kiểu bay lượn?  A. Cánh đập liên tục.  B. Cánh dang rộng mà không đập.  C. Bay chủ yếu nhờ sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của các luồng gió.  D. Cả B và C đều đúng.  **Câu 6.** Lông ống ở chim bồ câu có vai trò gì?  A. Giữ nhiệt.  B. Làm cho cơ thể chim nhẹ.  C. Làm cho đầu chim nhẹ.  D. Làm cho cánh chim khi dang ra có diện tích rộng.  **Câu 7.** Điển từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa của câu sau :  Mỗi lứa chim bồ câu đẻ …(1)…, trứng chim được bao bọc bởi …(2)… .  A. (1) : 2 trứng ; (2) : vỏ đá vôi  B. (1) : 5 – 10 trứng ; (2) : màng dai  C. (1) : 2 trứng ; (2) : màng dai  D. (1) : 5 – 10 trứng ; (2) : vỏ đá vôi  **Câu 8.** Cấu tạo của chi sau của chim bồ câu gồm  A. 1 ngón trước, 3 ngón sau, có vuốt.  B. 2 ngón trước, 2 ngón sau, không vuốt.  C. 3 ngón trước, 1 ngón sau, có vuốt.  D. 4 ngón trước, 1 ngón sau, không vuốt.  **Câu 9.** Đuôi ở chim bồ câu có vai trò gì?  A. Bánh lái, định hướng bay cho chim.  B. Làm giảm sức cản không khí khi bay.  C. Cản không khí khi ấy.  D. Tăng diện tích khi bây.  **Câu 10.** Trong các loại chim sau, loài chim nào điển hình cho kiểu bay lượn?  A. Bồ câu.         B. Mòng biển.         C. Gà rừng.         D. Vẹt  **Đáp án**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Đáp án | C | A | C | C | D | | Câu | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Đáp án | D | A | C | A | B | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8’)**  **a. Mục tiêu:**  Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.  **b. Nội dung**  Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.  **c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.  **d. Tổ chức thực hiện:**  GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan. | | | | | | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia lớp thành nhiều nhóm  ( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập  a. Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay  b. Trình bày đặc điểm sinh sản của chim bồ câu  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - GV gọi đại diện của mỗi nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.  - GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung.  - GV kiểm tra sản phẩm thu ở vở bài tập.  - GV phân tích báo cáo kết quả của HS theo hướng dẫn dắt đến câu trả lời hoàn thiện. | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS xem lại kiến thức đã học, thảo luận để trả lời các câu hỏi.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời.  - HS nộp vở bài tập.  - HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện. | | | | | a.  Thân hình thoi (giảm sức cản không khí khi bay), chi trước biến thành cánh (quạt gió, cản không khí khi hạ cánh), lông ống có các sợi lông làm thành phiến mỏng (giúp cho cánh chim khi giang ra tạo nên một diện tích rộng), mỏ sừng (làm cho đầu nhẹ).  b.Chim bồ câu trống có cơ quan giao cấu tạm thời (do xoang huyệt các lộn ra), thụ tinh trong, đẻ 2 trứng/1 lứa, trứng có vỏ đá vôi. Trứng thì được cả chim trống và chim mái ấp, chim non yếu, được nuôi bằng sữa diều của chim bố mẹ. | |
| Dựa vào đâu mà chim bồ câu được coi là biểu tượng của hòa bình | | | | | | | |

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài trả lời câu hỏi SGK

- Đọc mục " Em có biết"

- Kẻ bảng tr.139 SGK vào vở bài tập.

***\* Rút kinh nghiệm:***

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................